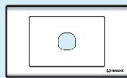
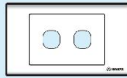
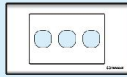
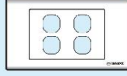
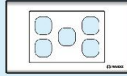
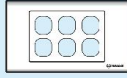
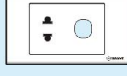
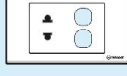
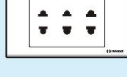
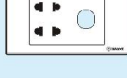
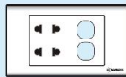
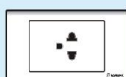
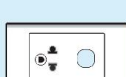
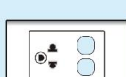
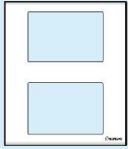
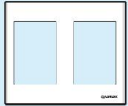
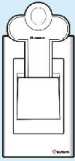
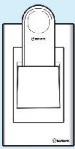
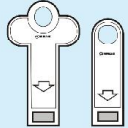


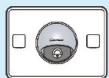
Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18
SWITCHES & SOCKETS S18 TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S181/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	300	11.200
	S182/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	300	11.200
	S183/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	300	11.200
	S184/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	300	15.800
	S185/X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	300	16.000
	S186/X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	300	16.000
	S18U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S18U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	44.600
	S18UX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	36.200
	S18UXX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	36.200
	S18U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Tripble Socket	100	54.800
	S18U2X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	43.500

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18U2XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	43.500
	S18UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	41.800
	S18UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	57.000
	S18UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	44.500
	S18UEXX Ổ cắm 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	44.500
	S18UAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	44.500
	S18UAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	41.800
	S18UAM/V Ổ cắm đa năng có màn che loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	41.800
	S180 Mặt che trơn Blank Plate	200	11.200
	S18WS Viền đơn trắng White Electric Single Standard Surround	300	4.600
	S18WS/V Viền đơn trắng loại dọc White Electric Single Standard Surround - Vertical	300	4.600

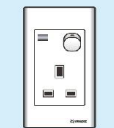
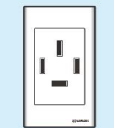
Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18
SWITCHES & SOCKETS S18 TYPE

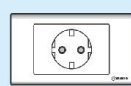
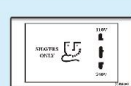
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18WD Viễn đôi trắng White Electric Double Standard Surround	150	11.200
	S18WD/V Viễn đôi trắng dọc White Electric Double Standard Surround - Vertical	150	11.200
	S18CS/...* Viễn đơn màu Full Color Electric Single Standard Surround	300	7.500
	S18BPDM Nút chuông báo xin vệ sinh phòng và báo không quấy rầy Bell Push with Indicator "Please Clean Up & Do Not Disturb"	100	214.000
	S18/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	317.000
	SKT501 Thẻ từ 16A 16A Key Card	60	24.200
	S18KT+SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - Chìa khóa kiểu A 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type A	80	263.000
	S18KT+SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - Chìa khóa kiểu B 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type B	80	263.000
	SKTA Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu A Key for S18KT - Type A	100	41.800
	SKTB Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu B Key for S18KT - Type B	100	33.000
	S18/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 Ổ 3 Chấu Kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	66.500

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S1815N Ổ cắm 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có đèn báo 15A 250V 3 Round Pin British Socket with Neon	100	74.200
	S1815SN Ổ cắm 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc và đèn báo 15A 250V 3 Round Pin British Socket with Switch and Neon	100	74.200
	S18/31TO Đầu ra dây cáp liền mặt Wire Outlet with Plate	100	34.500
	S18/31TB Đầu ra dây cáp với đầu nối 25A + mặt Care Outlet with 25A Connector + Plate	80	43.500
	S18/301 Chiết áp đèn 500VA liền mặt 500VA/250V Dimmer Mechanism	60	95.200
	S18/302 Chiết áp quạt 400VA liền mặt 400VA/250V Fan Control Mechanism	60	95.200
	S18/303 Chiết áp đèn 1000VA liền mặt 1000VA/250V Dimmer Mechanism	60	124.000
	WBL/V Nút chuông chống thấm có đèn báo loại dọc Weatherproof Bell Push with Neon - Vertical	40	42.500
	WBL Nút chuông chống thấm có đèn báo Weatherproof Bell Push with Neon	40	42.500
	S18/38TB Đầu ra dây cáp với đầu nối 25A Cable Outlet with 25A Connector	400	33.000

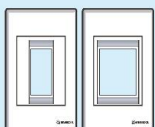
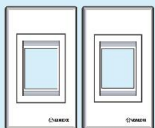
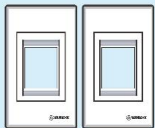
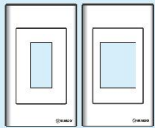
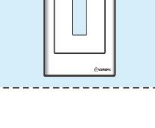
(*) Mã cụ thể của viễn màu xin tham khảo bìa 26

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18
SWITCHES & SOCKETS S18 TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18B/V Nút chuông bản rộng loại dọc Big Panel Bell Push - Vertical	80	34.500
	S18B Nút chuông bản rộng Big Panel Bell Push	80	34.500
	S18BNR/V Nút chuông bản rộng có đèn báo đỏ loại dọc Big Panel Bell Push with Neon Red - Vertical	80	39.600
	S18BNG/V Nút chuông bản rộng có đèn báo xanh loại dọc Big Panel Bell Push with Neon Green - Vertical	80	39.600
	S18BNR Nút chuông bản rộng có đèn báo đỏ Big Panel Bell Push with Neon Red - Horizontal	80	39.600
	S18BNG Nút chuông bản rộng có đèn báo xanh Big Panel Bell Push with Neon Green - Horizontal	80	39.600
	S1813N Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Neon	100	77.500
	S1813S Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch	100	77.500
	S1813SN Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc và đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon	100	77.500
	S1825SN Ổ cắm đôi 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc và đèn báo 13A Twin 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon	50	191.000
	S18HD416 Ổ cắm 4 dây 3 pha 16A kiểu Mỹ 16A - 4 Pin American Socket	100	91.200
	S18HD425 Ổ cắm 4 dây 3 pha 25A kiểu Mỹ 25A-4 Pin American Socket	60	112.000

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18/16 Ổ cắm "schuko" 16A tiếp đất 16A Pin & Earth "Schuko" Socket	80	50.200
	S18/2727V Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA loại dọc 110/240V-20VA Shaver Sockets - Vertical	30	632.000
	S18/2727 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA 110/240V-20VA Shaver Sockets	30	632.000

MẶT ÁT CHỨA MCB
BLANK PLATE FOR MCB

	ST121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	200	11.200
	ST122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Double Type M	200	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	11.200

CÔNG TẮC PHÍM LỚN KIỂU S18
MEGA SWITCHES S18 TYPE

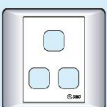
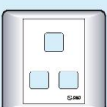
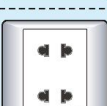
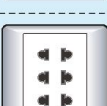
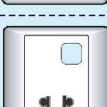
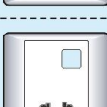
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S181D1 (S181D1/DL) Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 1 way Switch Big Panel	100	19.000
	S181N1R (S181N1R/DL) Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 1 way Switch with Red Neon Big Panel	100	26.800
	S181D2 (S181D2/DL) Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 2 way Switch Big Panel	100	24.800
	S181N2R (S181N2R/DL) Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 2 way Switch with Red Neon Big Panel	100	32.600
	S182D1 (S182D1/DL) Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A/250V 2 Gang 1 way Switch	100	23.800
	S182N1R (S182N1R/DL) Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 2 Gang 1 way Switch with Red Neon Big Panel	100	39.500
	S182D2 (S182D2/DL) Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A/250V 2 Gang 2 way Switch Big Panel	100	31.500
	S182N2R (S182N2R/DL) Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 2 Gang 2 way Switch with Red Neon Big Panel	100	46.800
	S183D1 (S183D1/DL) Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A/250V 3 Gang 1 way Switch Big Panel	100	34.000

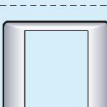
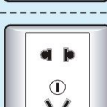
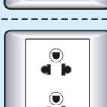
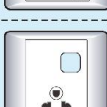
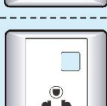
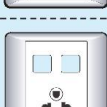
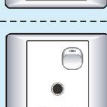
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S183N1R (S183N1R/DL) Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 3 Gang 1 way Switch with Red Neon Big Panel	100	57.500
	S183D2 (S183D2/DL) Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A/250V 3 Gang 2 way Switch	100	47.800
	S183N2R (S183N2R/DL) Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 3 Gang 2 way Switch with Red Neon Big Panel	100	67.200
	S182D1/D2 (S182D1/D2/DL) 1 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way Switch Big Panel	100	27.500
	S183D1/2D2 (S183D1/2D2/DL) 1 công tắc 1 chiều với 2 công tắc 2 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 2 Gang 2 Way Switch Big Panel	100	43.200
	S182N1/N2R (S182N1/N2R/DL) 1 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way W/Red Big Panel	100	43.200
	S183/2D1/D2 (S183/2D1/D2/DL) 2 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn 10A/250V 2 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way Switch Big Panel	100	38.800
	S183N1/2N2R (S183N1/2N2R/DL) 1 công tắc 1 chiều với 2 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 2 Gang 2 Way W/Red Big Panel	100	63.800
	S183/2N1/N2R (S183/2N1/N2R/DL) 2 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 2 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way W/Red Big Panel	100	60.800

* Mã trong ngoặc (...) Là loại **S18 Duluxe** khi đặt hàng loại công tắc phím lớn Series S18-Duluxe sẽ dùng mã trong ngoặc và thêm chữ **Duluxe** ở tên hàng

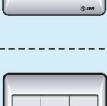
* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có **đèn báo xanh** thì khi đặt hàng thay chữ "**R**" bằng chữ "**G**" trong mã hàng và tên hàng thay chữ "**đèn báo đỏ**" bằng chữ "**đèn báo xanh**"

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S98/S986
SWITCHES & SOCKETS S98/S986 TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S981/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	11.200
	S9861/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	11.200
	S982/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	11.200
	S9862/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	11.200
	S983/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	11.200
	S9863/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	11.200
	S984/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	15.800
	S9864/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	15.800
	S98U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S98U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	44.600
	S98U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	54.800
	S98UX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	36.200
	S986UX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	36.200

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S98UXX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	36.200
	S986UXX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	36.200
	S98U2XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs	100	
	S986U2XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs	100	
	S98WS Viên đơn trắng White Electric Single	100	4.600
	S98/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	66.500
	S98UE Ổ Cắm đơn 3 Chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	41.800
	S98UE2 2 Ổ Cắm 3 Chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	57.000
	S98UEX Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	44.500
	S986UEX Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	44.500
	S98UEXX Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	44.500
	S986UEXX Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	44.500
	S9815S Ổ cắm 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc 15A 250V, 3 Round Pin British Flush Socket with Switch	100	74.200

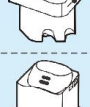
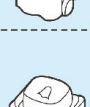
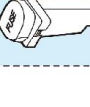
Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S98
SWITCHES & SOKETS S98 TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S9813S Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A 250V, 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch	100	77.500
	S98UAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	44.500
	S986UAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	44.500
	S98UAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	41.800
	S981D1 Công tắc đơn 1 Chiều phím lớn 1 Gang 1 Way - Mega Switch	80	26.000
	S981D2 Công tắc đơn 2 Chiều phím lớn 1 Gang 2 Way - Mega Switch	80	40.000
	S982D1 Công tắc đôi 1 Chiều phím lớn 2 Gang 1 Way - Mega Switch	80	37.200
	S982D2 Công tắc đôi 2 Chiều phím lớn 2 Gang 2 Way - Mega Switch	80	66.600
	S983D1 Công tắc ba 1 Chiều phím lớn 3 Gang 1 Way - Mega Switch	80	50.200
	S983D2 Công tắc ba 2 Chiều phím lớn 3 Gang 2 Way - Mega Switch	80	79.200
	S981N1R Công tắc đơn 1 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 1 Gang 1 Way - Mega Switch with Neon Red	80	37.000
	S982N1R Công tắc đôi 1 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 2 Gang 1 Way - Mega Switch with Neon Red	80	52.500
	S983N1R Công tắc ba 1 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 3 Gang 1 Way - Mega Switch with Neon Red	80	70.200
	S981N2R Công tắc đơn 2 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 1 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon Red	80	52.600
	S982N2R Công tắc đôi 2 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 2 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon Red	80	93.800

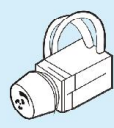
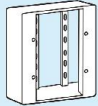
* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có đèn báo xanh thì khi đặt hàng thay chữ "R" bằng chữ "G" trong mã hàng và tên hàng thay chữ "đèn báo đỏ" bằng chữ "đèn báo xanh"

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S983N2R Công tắc ba 2 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 3 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon Red	80	115.000
	S98/XIR Công tắc tự động cảm ứng tia hồng ngoại Infrared Faradaic Automatic Switch	80	308.000
	S501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chạy chậm 16A Saving Switch with Time Delay	50	317.000

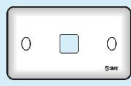
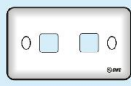
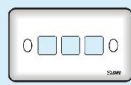
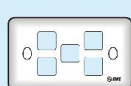
PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18; S98
ACCESSORIES FOR S18; S98

	S30/1/2M Công tắc 1 Chiều 1 Way Switch	1500	10.800
	S30/1/2H Công tắc 1 Chiều 1 Way Switch	1500	10.800
	S30M Công tắc 2 Chiều 2 Way Switch	1000	16.200
	S30MD20 Công tắc 2 cực 20A 20A Double Pole Switch	500	65.500
	S30MBP2 Nút nhấn chuông 3A 3A Bell Push Switch	1000	24.800
	S30MBPN Nút nhấn chuông 3A có đèn báo đỏ 3A Bell Push Switch with Neon (Red)	1000	30.800
	S30NRD Đèn báo đỏ Neon Indicator (Red)	1500	16.500
	S30NGN Đèn báo xanh Neon Indicator (Green)	1500	16.500
	S30NRD/W Đèn báo đỏ có dây đấu sẵn Neon Indicator (Red) - C/w Wiring	1000	13.800
	S30NGN/W Đèn báo xanh có dây đấu sẵn Neon Indicator (Green) - C/w Wiring	1000	13.800
	S30TV75MS Ổ cắm Anten Tivi Television Terminal	500	40.200
	SSTD Hạt cầu chì ống 10A 10A Fused connection Units	500	30.200

PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18; S98
ACCESSORIES FOR S18; S98

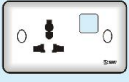
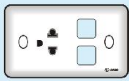
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	FTD Ổng cầu chì 250V - 5A, 10A, 15A 5A, 10A, 15A - 250V Fuse Links	100	9.200
	S400VX Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA Fan Control Mechanism	300	102.000
	S500VX Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA Dimmer Mechanism	300	102.000
	S1000VX Hạt chiết áp đèn 1000VA 1000VA Dimmer Mechanism	300	122.000
	S30RJ40 Ổ cắm điện thoại 4 dây 4 wire Telephone Socket	500	49.600
	S30RJ64 Ổ cắm điện thoại 6 dây 6 Wire Telephone Socket	500	52.000
	S30RJ88 Ổ cắm máy tính 8 dây 8 Wire Computer Socket	500	65.600
	S30RJ40/W Ổ cắm điện thoại 4 dây có dây đấu sẵn 4 Wire Telephone Socket - C/w Wiring	500	41.000
	SX Nút che trơn Mounded Removable Plug	4000	4.000
	S30MI Công tắc trung gian đa chiều 10A Intermediate Switch	500	129.000
	CK157/D Đế nối nhựa loại đôi dùng cho kiểu S9; S18; S186 Surface - Double Box For S9; S18; S186	100	18.500
	CK157 Đế nối nhựa dùng cho kiểu S9 Surface Box For S9	115	6.000
	CK157RL Đế nối nhựa chữ nhật thấp S18; S186 Surface Box For S18; S186	100	5.060
	CK157RH Đế nối nhựa chữ nhật cao S18; S186 Surface Box For S18; S186	100	5.500
	ET238 Đế nối nhựa dùng cho S1825SN, S18/2727 Surface Box For S1825SN, S18/2727	100	41.800
	S238/D Đế nối nhựa loại đôi dùng cho S98 Surface - Double Box For S98	60	20.800
	S238 Đế nối nhựa tự chống cháy loại vuông dùng cho kiểu S98 Fire Resistant Surface Box for S98	148	5.500

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S19
SWITCHES & SOCKETS S19 TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S191 (S191V) Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	250	12.800
	S192 (S192V) Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	250	12.800
	S193 (S193V) Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	250	12.800
	S194 (S194V) Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	250	21.200
	S195 (S195V) Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	250	21.200
	S196 (S196V) Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	250	21.200
	S190 (S190V) Mặt Che Trơn Blank Plate	250	17.000
	S1981 (S1981V) Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S1982 (S1982V) 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	49.500
	S1983 (S1983V) 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	66.000
	S198/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 Ổ 3 Chấu Kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	78.200
	S198X (S198XV) Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	45.800

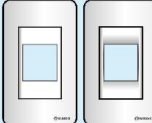
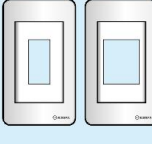
Mã số ngoài ngoặc đơn () được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S19
SWITCHES & SOCKETS S19 TYPE

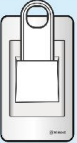
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S198XX (S198XXV) Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	45.800
	S1982X (S1982XV) 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	57.500
	S1982XX (S1982XXV) 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	57.500
	S198AM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	52.200
	S198AMV Ổ cắm đa năng có màn che loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	52.200
	S198AM/X Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	60.000
	S198AM/XV Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang - Vertical	100	60.000
	S1981E (S1981EV) Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	52.200
	S1982E (S1982EV) 2 Ổ Cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	70.200
	S198EX (S198EXV) Ổ Cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	60.000
	S198EXX (S198EXXV) Ổ Cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	75.800
	S19CAP Nút đậy lỗ vít Screw Caps	100	520

Mã số ngoài ngoặc đơn () được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18A
SWITCHES & SOCKETS S18A TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18A1X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	13.500
	S18A2X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	13.500
	S18A3X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	13.500
	S18A4X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	22.600
	S18A5X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	22.600
	S18A6X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	22.600
	S18AXL/V Viên đơn trắng loại dọc White Electric Single Standard surround - Vertical	300	7.200
	S18AXL Viên đơn trắng White Electric Single Standard surround - Horizontal	300	7.200
	S18A121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A	200	12.000
	S18A121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate for MCCB - Single Type B	200	12.000
	S18A121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Single Type M	200	12.000
	S18A122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Double Type M	200	12.000
	S18A0 Mặt Che Trơn Blank Plate	200	17.600
	S18A/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có Thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	366.000

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18A
SWITCHES & SOCKETS S18A TYPE

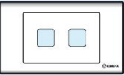
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18AKT + SKTA Bộ chia khóa ngắt điện 20A có đèn báo chia khóa kiểu A 250V - 20A Key Tag Switch with Neon type A	80	303.000
	S18AKT + SKTB Bộ chia khóa ngắt điện 20A có Đèn báo chia khóa kiểu B 250V - 20A Key Tag Switch with Neon type B	80	303.000
	S18AUAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	55.800
	S18AUAM/V Ổ cắm đa năng có màn che dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	55.800
	S18AUAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter w/1 Gang	100	61.500
	S18AU Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	31.500
	S18AU2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	52.800
	S18AU3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	70.500
	S18AU/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 Ổ 3 Chấu Kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	84.500
	S18AU/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	49.000
	S18AU/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	49.000
	S18AU2/X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	61.600
	S18AU2/XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	61.600
	S18AUE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	55.800
	S18AUE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	74.600

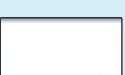
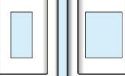
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18AUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	61.500
	S18AUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	81.000

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18AS
SWITCHES & SOCKETS S18AS TYPE

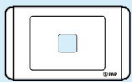
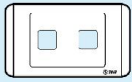
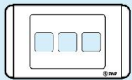
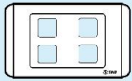
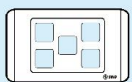
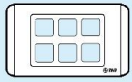
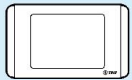
	S18AS1X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	13.500
	S18AS2X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	13.500
	S18AS3X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	13.500
	S18AS4X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	250	22.600
	S18AS5X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	250	22.600
	S18AS6X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	250	22.600
	S18ASUAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter w/1 Gang	100	61.500
	S18ASU/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	49.000
	S18ASU/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	49.000
	S18ASU2/X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	61.600
	S18ASU2/XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	61.600
	S18ASUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	81.000
	S18ASUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	81.000

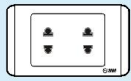
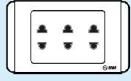
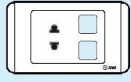
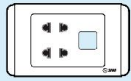
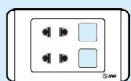
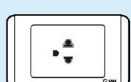
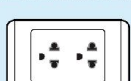
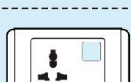
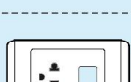
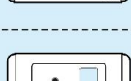
Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S186
SWITCHES & SOCKETS S186 TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S1861X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	300	11.200
	S1862X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	300	11.200
	S1863X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	300	11.200
	S1864X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	300	15.800
	S1865X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	300	16.000
	S1866X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	300	16.000
	S18U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S18U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	44.600
	S186UX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	36.200
	S186UXX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	36.200
	S18U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	54.800
	S186U2X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	43.500
	S186U2XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	43.500
	S18UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	41.800

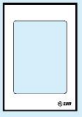
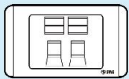
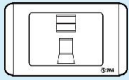
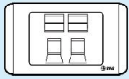
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	57.000
	S186UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	44.500
	S186UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	44.500
	S180 Mặt Che Trơn Blank Plate	200	11.200
	S18WS Viên đơn trắng White Electric Single	300	4.600
	S18WD Viên đôi trắng White Electric Double	150	11.200
	S18121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và B Blank Plate for MCCB - Single Type A & B	240	11.200
	S18121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B Blank Plate for MCCB - Single Type B	240	11.200
	S18121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A	240	11.200
	S18121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Single Type M	3000	11.200
	S18122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Double Type M	3000	11.200
	S186/1/2M Công tắc 1 chiều 1 Way Switch	1.500	9.500
	S186M Công tắc 2 chiều 2 Way Switch	1.000	16.800

MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S68 MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S68 TYPE WHITE

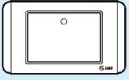
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S681X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	16.800
	S682X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	16.800
	S683X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	16.800
	S684X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	28.200
	S685X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	28.200
	S686X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	28.200
	S680 Mặt Che Trơn Blank Plate	200	22.000
	S68121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A S68 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A S68	200	22.000
	S68121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B S68 1 Gang Plate for MCCB - Single Type B S68	200	22.000
	S68121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M S68 1 Gang Plate for MCB - Single Type M S68	200	22.000
	S68122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M S68 1 Gang Plate for MCB - Double Type M S68	200	22.000
	S68U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	39.600

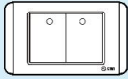
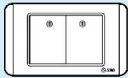
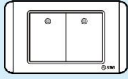
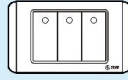
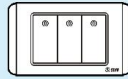
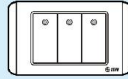
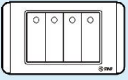
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	66.000
	S68U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	88.000
	S68U/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	61.200
	S68U/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	61.200
	S68U2/X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/1 Gang	100	77.200
	S68U2/XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs	100	77.200
	S68UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	69.600
	S68UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	93.600
	S68UAM/X Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	80.500
	S68UAM/XV Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang - Vertical	100	80.500
	S68UAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	69.600
	S68UAM/V Ổ cắm đa năng có màn che loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	69.600
	S68UE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	80.500
	S68UE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	92.500

MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S68 MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S68 TYPE WHITE

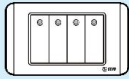
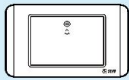
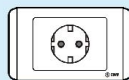
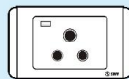
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68XL Viên đơn Electric Single	100	7.600
	S68XL/V Viên đơn loại dọc Electric Single Vertical	100	7.600
	S6831RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Telephone outlet with Shutter	100	59.000
	S6832RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Telephone outlet with Shutter	100	90.500
	S6831RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Data outlet with Shutter	100	80.800
	S6832RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Data outlet with Shutter	100	128.000
	S6832RJ/RJ5E 1 ổ cắm điện thoại 4 dây và 1 ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang telephone outlet and data outlet with Shutter	100	128.000

CÔNG TẮC PHÍM LỚN KIỂU S68-MEGA MÀU TRẮNG
SWITCHES,S68-MEGA TYPE WHITE

	S68D1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 1 Gang 1 Way Switch	100	28.800
	S68D1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	49.200
	S68DN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 1 Way Switch With Led	100	59.000
	S68DM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 1 Gang 2 Way Switch	100	32.000
	S68DM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	55.000
	S68DMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 2 Way Switch With Led	100	66.000

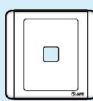
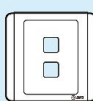
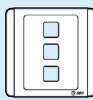
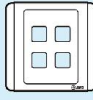
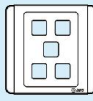
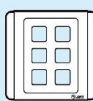
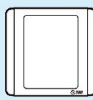
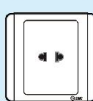
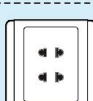
	S68D2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 2 Gang 1 Way Switch	100	43.800
	S68D2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	75.000
	S68DN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 1 Way Switch With Led	100	90.500
	S68DM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 2 Gang 2 Way Switch	100	45.500
	S68DM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	78.200
	S68DMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 2 Way Switch With Led	100	93.600
	S68D3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 3 Gang 1 Way Switch	100	53.200
	S68D3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	91.200
	S68DN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 1 Way Switch With Led	100	109.000
	S68DM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 3 Gang 2 Way Switch	100	56.800
	S68DM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	97.600
	S68DMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 2 Way Switch With Led	100	118.000
	S68D4A Công tắc bốn 1 chiều phím lớn 4 Gang 1 Way Switch	100	74.200
	S68D4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	127.000
	S68DN4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 1 Way Switch With Led	100	153.000

MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S68 - EURO MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S68 - EURO TYPE WHITE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68DM4A 100 77.500 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn 4 Gang 2 Way Switch		
	S68DM4 100 133.000 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 2 Way Switch With Fluorescent		
	S68DMN4 100 159.000 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 2 Way Switch With Led		
	S68DBP 100 60.500 Nút chuông lớn có dạ quang Big Panel Bell Push with Switch Fluorescent		
	S68/16 80 81.600 Ổ cắm "SCHUKO" 16A tiếp đất 16A Pin & Earth "Schuko" Socket		
	S68U/10US 100 108.000 Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket		
	S6815N 100 120.000 Công tắc 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có đèn báo 15A 3 Round Pin British Flush Socket with Neon		
	S6815SN 100 131.000 Công tắc 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc và đèn báo 15A 3 Round Pin British Flush Socket with Switch and Neon		
	S6813N 100 127.000 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Neon		
	S6813SN 100 138.000 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc và đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon		
	S6825S 60 310.000 Ổ cắm đôi 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A Twin 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch		
	S68/2727 30 1.025.000 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA 110/240V-20VA Shaver Sockets		

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68/501 60 515.000 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay		
	S68KT+SKTA 80 273.000 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 20A Key Tag Switch with Neon - Type A		
	S68KT+SKTB 80 273.000 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 20A Key Tag Switch with Neon - Type B		

MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S66 MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S66 TYPE WHITE

	S661X 200 16.800 Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate		
	S662X 200 16.800 Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate		
	S663X 200 16.800 Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate		
	S664X 200 28.200 Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate		
	S665X 200 28.200 Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate		
	S666X 200 28.200 Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate		
	S660 200 22.000 Mặt Che Trơn Blank Plate		
	S66U 100 39.600 Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket		
	S66U2 100 66.000 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket		

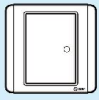
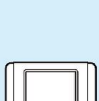
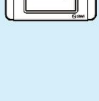
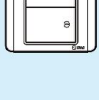
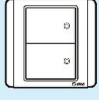
MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S66 MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S66 TYPE WHITE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66U/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	61.200
	S66U/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	61.200
	S66U2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/ 1 Gang	100	77.200
	S66U2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/ 2 Gangs	100	77.200
	S66UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	69.600
	S66UE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	93.600
	S66UE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	80.500
	S66UE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	92.500
	S66XL Viền đơn Electric Single Standard Surround	100	7.600
	S6631RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Telephone outlet with Shutter	100	59.000
	S6632RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Telephone outlet with Shutter	100	90.500
	S6631RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Data outlet with Shutter	100	80.800
	S6632RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Data outlet with Shutter	100	128.000
	S6632RJ/RJ5E 1 ổ cắm điện thoại 4 dây và 1 ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang telephone outlet and data outlet with Shutter	100	128.000

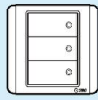
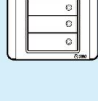
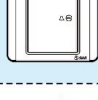
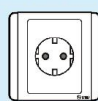
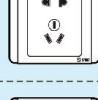
CÔNG TẮC PHÍM LỚN KIỂU S66-MEGA MÀU TRẮNG
SWITCHES, S66-MEGA TYPE WHITE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66SD1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 1 Gang 1 Way Switch	100	28.800
	S66SD1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	49.200
	S66SDN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 1 Way Switch With Led	100	59.000
	S66SDM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 1 Gang 2 Way Switch	100	32.000
	S66SDM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	55.000
	S66SDMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 2 Way Switch With Led	100	66.000
	S66SD2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 2 Gang 1 Way Switch	100	43.800
	S66SD2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	75.000
	S66SDN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 1 Way Switch With Led	100	90.500
	S66SDM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 2 Gang 2 Way Switch	100	45.500
	S66SDM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	78.200
	S66SDMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 2 Way Switch With Led	100	93.600
	S66SD3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 3 Gang 1 Way Switch	100	53.200
	S66SD3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	91.200
	S66SDN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led xanh 3 Gang 1 Way Switch With Led	100	109.000
	S66SDM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 3 Gang 2 Way Switch	100	56.800
	S66SDM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	97.600
	S66SDMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led xanh 3 Gang 2 Way Switch With Led	100	118.000

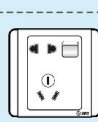
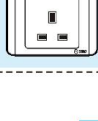
MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S66 MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S66 TYPE WHITE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66SDXL Viên đơn sơn ánh bạc Electric Single	100	10.000
	S66D1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 1 Gang 1 Way Switch	100	28.800
	S66D1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 1 Way Switch with Fluorescent	100	49.200
	S66DN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 1 Way Switch with Led	100	59.000
	S66DM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 1 Gang 2 Way Switch	100	32.000
	S66DM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	100	55.000
	D66DMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 2 Way Switch with Led	100	66.000
	S66D2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 2 Gang 1 Way Switch	100	43.800
	S66D2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	75.000
	S66DN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 1 Way Switch With Led	100	90.500
	S66DM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 2 Gang 2 Way Switch	100	45.500
	S66DM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	78.200
	S66DMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 2 Way Switch With Led	100	93.600
	S66D3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 3 Gang 1 Way Switch	100	53.200
	S66D3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	91.200
	S66DN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 1 Way Switch With Led	100	109.000
	S66DM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 3 Gang 2 Way Switch	100	56.800

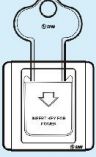
CÔNG TẮC PHÍM LỚN KIỂU S66-MEGA MÀU TRẮNG
SWITCHES, S66-MEGA TYPE WHITE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66DM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	97.600
	S66DMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 2 Way Switch With Led	100	118.000
	S66D4A Công tắc bốn 1 chiều phím lớn 4 Gang 1 Way Switch	100	74.200
	S66D4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	127.000
	S66DN4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 1 Way Switch With Led	100	153.000
	S66DM4A Công tắc bốn 2 chiều phím lớn 4 Gang 2 Way Switch	100	77.500
	S66DM4 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	133.000
	S66DMN4 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 2 Way Switch With Led	100	159.000
	S66DBP Nút chuông phím lớn có dạ quang Big Panel Bell Push with Fluorescent	100	60.500

MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S66-EURO MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S66 - EURO TYPE WHITE

	S66/501 Công tắc dùng thẻ từ phím lớn 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	515.000
	S66/16 Ổ cắm "SCHUKO" 16A tiếp đất 16A Pin & Earth "Schuko" Socket	80	81.600
	S66U/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	108.000
	S66/10USS Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc có công tắc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket w/ Switch	100	119.000
	S6613N Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket w/ Neon	100	127.000

MẶT VÀ Ổ CẮM KIỂU S66-EURO MÀU TRẮNG
GRID PLATE & SOCKET, S66 - EURO TYPE WHITE

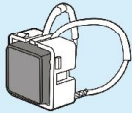
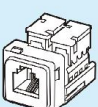
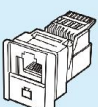
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S6613S Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch	100	138.000
	S66UAM/X Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	80.500
	S66UAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	69.600
	S6615N Công tắc 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có đèn báo 15A 3 Round Pin British Flush Socket with Neon	100	120.000
	S6615SN Công tắc 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc và đèn báo 15A 3 Round Pin British Flush Socket with Switch and Neon	100	131.000
	S66KT+SKTA Bộ chia khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chia khóa kiểu A 20A Key Tag Switch with Neon - Type A	80	273.000
	S66KT+SKTB Bộ chia khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chia khóa kiểu B 20A Key Tag Switch with Neon - Type B	80	273.000

PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18A-S19-S186-S68/S66 MÀU TRẮNG
ACCESORIES FOR S18A - S19 - S186 - S68/S66 WHITE

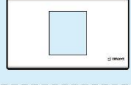
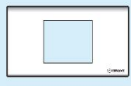
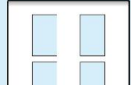
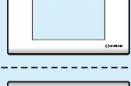
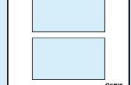
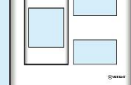
	A96/1/2M Công tắc 1 chiều 1 Way Switch	1500	10.800
	A96/1/2MDB Công tắc 1 chiều màu xanh dương 1 Way Switch - Blue Panel	1500	15.000
	A96/1/2MGR Công tắc 1 chiều màu xanh lá cây 1 Way Switch - Green Panel	1500	15.000
	A96/1/2MRD Công tắc 1 chiều màu đỏ rực 1 Way Switch - Red Panel	1500	15.000
	A96/1/2MYL Công tắc 1 chiều màu vàng nhạt 1 Way Switch - Yellow Panel	1500	15.000
	A96/1/2MGY Công tắc 1 chiều màu xám băng 1 Way Switch - Grey Panel	1500	15.000
	A96/1/2MBK Công tắc 1 chiều màu đen 1 Way Switch - Black Panel	1500	15.000

	A96/1/2MR Công tắc 1 chiều có miếng báo đỏ 1 Way Switch with Red Signal	1500	13.200
	A96M Công tắc 2 chiều 2 Way Switch	1000	19.200
	A96MR Công tắc 2 chiều có miếng báo đỏ 2 Way Switch with Red Signal	1000	21.200
	A96MI Công tắc trung gian đa chiều Intermediate Switch	500	122.600
	A96MD20 Công tắc 2 cực 20A 20A Double Pole Switch	500	69.200
	A96MD20R Công tắc 2 cực 20A có miếng báo đỏ 20A Double Pole Switch with Red Signal	500	73.200
	A96MBP2 Nút nhấn chuông 3A 3A Bell Push Switch	1500	41.800
	A96TV Ổ cắm Anten Tivi Television Terminal	500	40.800
	A96MDB Công tắc 2 chiều màu xanh dương 2 Way Switch - Blue Panel	1000	25.200
	A96MGR Công tắc 2 chiều màu xanh lá cây 2 Way Switch - Green Panel	1000	25.200
	A96MRD Công tắc 2 chiều màu đỏ rực 2 Way Switch - Red Panel	1000	25.200
	A96MYL Công tắc 2 chiều màu vàng nhạt 2 Way Switch - Yellow Panel	1000	25.200
	A96MGY Công tắc 2 chiều màu xám băng 2 Way Switch - Grey Panel	1000	25.200
	A96MBK Công tắc 2 chiều màu đen 2 Way Switch - Black Panel	1000	25.200

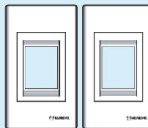
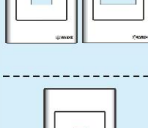
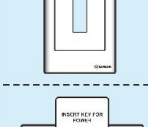
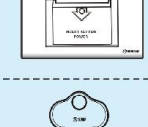
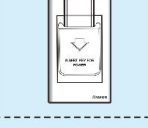
PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18A-S19-S186
ACCESSORIES FOR S18A - S19 - S186

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A96NRD/W 1000 Đèn báo đỏ - có dây đấu sẵn Neon Indicator (Red) with Wiring		17.800
	A96NGN/W 1000 Đèn báo xanh- có dây đấu sẵn Neon Indicator (Green) with Wiring		17.800
	A96NRD 1500 Đèn báo đỏ Neon Indicator (Red)		19.200
	A96NGN 1500 Đèn báo xanh Neon Indicator (Green)		19.200
	A96BTD 500 Hạt cầu chì ống 10A có đèn báo 10A Fused connection Units with Neon		44.200
	A96/400VX 300 Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA Fan Control Mechanism		123.600
	A96/500VX 300 Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA Dimmer Mechanism		116.500
	A96/1000VX 300 Hạt chiết áp đèn 1000VA 1000VA Dimmer Mechanism		140.000
	A96RJ40 500 Ổ cắm điện thoại 4 dây 4 Wire Telephone Socket		60.000
	A96RJ88 500 Ổ cắm máy tính 8 dây 8 Wire Computer Socket		72.800
	A96RJ40/M 500 Ổ cắm điện thoại 4 dây có màn che 4 Wire Telephone Socket with Shutter		66.200
	A96RJ88/M 500 Ổ cắm máy tính 8 dây có màn che 8 Wire Computer Socket with Shutter		80.000
	A96RJ40/W 500 Ổ cắm điện thoại 4 dây có dây đấu sẵn 4 Wire Telephone Socket - C/w Wiring		48.000
	A96X 4000 Nút che trơn Moulded Removable Plug		4.020

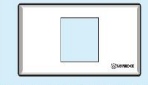
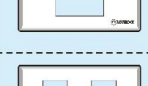
Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18C
SWITCHES & SOCKETS S18C TYPE

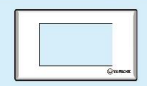
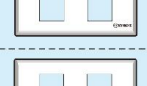
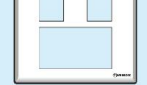
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CO 200 Mặt che trơn Blank Flush Plate		12.000
	S18C1X 200 Mặt 1 mô-đun 1 Gang Flush Plate		12.000
	S18C1X/M 200 Mặt 1 mô-đun cỡ trung Mid-sized 1 Gang Flush Plate		12.000
	S18CXX 200 Mặt 2 mô-đun cỡ nhỏ, ổ đa năng ổ 3 chấu 2 Gang Flush Plate 1 Mid-size Gang Multi Purpose Plate		12.000
	S18C2X 200 Mặt 2 mô-đun 2 Gang Flush Plate		12.000
	S18C3X 200 Mặt 3 mô-đun 3 Gang Flush Plate		12.000
	S18C4X 100 Mặt 4 mô-đun 4 Gang Flush Plate		19.800
	S18C5X 100 Mặt 5 mô-đun 5 Gang Flush Plate		19.800
	S18C6X 100 Mặt 6 mô-đun 6 Gang Flush Plate		19.800
	S18C2X/A 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 2 mô-đun 3 Gang Plate for MCCB - Type A & 2 Module		19.800
	S18C2X/B 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô-đun 3 Gang Plate for MCCB - Type B & 2 Module		19.800
	S18C3X/A 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 3 mô-đun 2 Gang Plate for MCCB - Type A & 3 Module		19.800
	S18C3X/B 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô-đun 2 Gang Plate for MCCB - Type B & 3 Module		19.800

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18C
SWITCHES & SOCKETS S18C TYPE

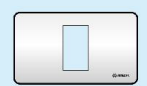
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18C121/HA 240 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	240	12.000
	S18C121/HB 240 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type B	240	12.000
	S18C121/M 300 Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	300	12.000
	S18C122/M 300 Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Double Type M	300	12.000
	S18C121/AB 240 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A VÀ B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A & B	240	12.000
	S18C/501 60 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	412.000	
	S18CKT+SKTA 80 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type A	341.000	
	S18CKT+SKTB 80 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type B	341.000	

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU S18CS
SWITCHES & SOCKETS S18CS TYPE

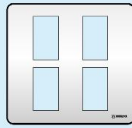
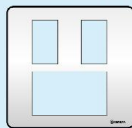
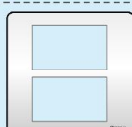
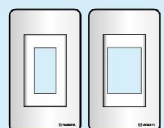
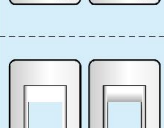
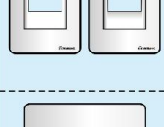
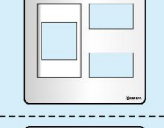
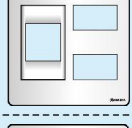
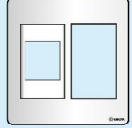
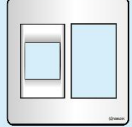
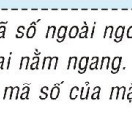
	S18CS0 200 Mặt che trơn Blank Flush Plate	200	12.000
	S18CS1X/S 200 Mặt 1 mô đun 1 Gang Flush Plate	200	12.000
	S18CS1X/M 200 Mặt 1 mô đun cỡ trung Mid-sized 1 Gang Flush Plate	200	12.000
	S18CS1X/L 200 Mặt 3 mô-đun, 2 mô-đun cỡ trung, 1 mô-đun cỡ lớn Plate for 3 module, 2 mid-sized module, 1 elongated-sized module	200	12.000
	S18CSXX 200 Mặt 2 mô đun, ổ đa năng ổ 3 chấu, 2 Gang Flush Plate, 1 Mid-sized Gang Multi Purpose Plate	200	12.000
	S18CS2X 200 Mặt 2 mô đun 2 Gang Flush Plate	200	12.000

	S18CS3X 200 Mặt 3 mô đun 3 Gang Flush Plate	200	12.000
	S18CS4X 160 Mặt 4 mô đun 4 Gang Flush Plate	160	19.800
	S18CS5X 160 Mặt 5 mô đun 5 Gang Flush Plate	160	19.800
	S18CS6X 160 Mặt 6 mô-đun 6 Gang Flush Plate	160	19.800
	S18CS2X/A 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 2 mô-đun 3 Gang Plate for 1 MCCB Type A & 2 Module	100	19.800
	S18CS2X/B 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô-đun 3 Gang Plate for MCCB Type B & 2 Module	100	19.800
	S18CS3X/A 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 3 mô-đun 2 Gang Plate for MCCB Type A & 3 Module	100	19.800
	S18CS3X/B 100 Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô-đun 2 Gang Plate for MCCB Type B & 3 Module	100	19.800

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU SC
SWITCHES & SOCKETS SC TYPE

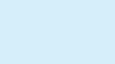
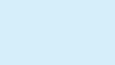
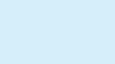
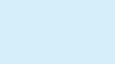
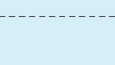
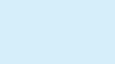
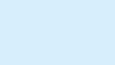
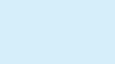
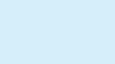
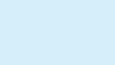
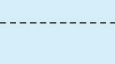
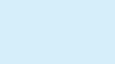
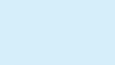
	SC1X (SC1X/V) 250 Mặt 1 mô đun 1 Gang Flush Plate	250	12.000
	SC1X/M (SC1X/MV) 250 Mặt 1 mô đun cỡ trung Mid-sized 1 Gang Flush Plate	250	12.000
	SC2X (SC2XV) 250 Mặt 2 mô đun 2 Gang Flush Plate	250	12.000
	SCXX (SCXXV) 250 Mặt 2 mô đun, ổ đa năng ổ 3 chấu 2 Gang Flush Plate, 1 Mid-sized Gang Multi Purpose Plate	250	12.000

Ổ CẮM CÔNG TẮC KIỂU SC
SWITCHES & SOCKETS SC TYPE

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SC3X (SC3XV) Mặt 1 mô đun cỡ lớn, 2 mô đun cỡ trung, 3 mô đun Plate for 1 Elongated-sized Module 2 Mid-sized Module, 3 Module	250	12.000
	SC4X (SC4XV) Mặt 4 mô đun 4 Gang Flush Plate	160	19.800
	SC5X (SC5XV) Mặt 5 mô đun 5 Gang Flush Plate	160	19.800
	SC6X (SC6XV) Mặt 6 mô đun 6 Gang Flush Plate	160	19.800
	SCO (SCOV) Mặt Che Trơn Blank Plate	250	12.000
	SC121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Single Type M	200	12.000
	SC122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Double Type M	200	12.000
	SC121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A	200	12.000
	SC121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate for MCCB - Single Type B	200	12.000
	SC2X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 2 mô đun 3 Gang Plate for 1 MCCB - Type A & 2 Module	100	19.800
	SC2X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô đun 3 Gang Plate for 1 MCCB - Type B & 2 Module	100	19.800
	SC3X/A Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và 3 mô đun 2 Gang Plate for 1 MCCB - Type A & 3 Module	100	19.800
	SC3X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô đun 2 Gang Plate for 1 MCCB - Type B & 3 Module	100	19.800

Mã số ngoài ngoặc đơn() được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO SC - S18C - S18CS
ACCESSORIES (SC - S18C - S18CS)

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SCS/S Công tắc 1 chiều cỡ nhỏ 1 Way Standard-sized Switch	480	10.000
	SCS/FS Công tắc 1 chiều cỡ nhỏ có dạ quang 1 Way Standard-sized Switch with Fluorescent	480	17.500
	SCS/NS Công tắc 1 chiều cỡ nhỏ có đèn báo 1 Way Standard-sized Switch with Neon	480	51.200
	SCM/S Công tắc 2 chiều cỡ nhỏ 2 Way Standard-sized Switch	480	21.800
	SCM/FS Công tắc 2 chiều cỡ nhỏ có dạ quang 2 Way Standard-sized Switch with Fluorescent	480	24.500
	SCM/NS Công tắc 2 chiều cỡ nhỏ có đèn báo 2 Way Standard-sized Switch with Neon	480	85.800
	SCS/M Công tắc 1 chiều cỡ trung 1 way mid-sized switch	320	10.500
	SCS/FM Công tắc 1 chiều cỡ trung có dạ quang 1 Way Mid-sized Switch with Fluorescent	320	18.000
	SCS/NM Công tắc 1 chiều cỡ trung có đèn báo 1 Way Mid-sized Switch with Neon	320	52.500
	SCM/M Công tắc 2 chiều cỡ trung 2 Way mid-sized Switch	320	22.600
	SCM/FM Công tắc 2 chiều cỡ trung có dạ quang 2 Way Mid-sized Switch with Fluorescent	320	28.200
	SCM/NM Công tắc 2 chiều cỡ trung có đèn báo 2 Way Mid-sized Switch with Neon	320	88.600
	SCS/L Công tắc 1 chiều cỡ lớn 1 Way Elongated-sized Switch	160	13.500
	SCS/FL Công tắc 1 chiều cỡ lớn có dạ quang 1 Way Elongated-sized Switch with Fluorescent	160	23.500
	SCS/NL Công tắc 1 chiều cỡ lớn có đèn báo 1 Way Elongated-sized Switch with Neon	160	69.200
	SCM/L Công tắc 2 chiều cỡ lớn 2 Way Elongated-sized switch	160	30.500
	SCM/FL Công tắc 2 chiều cỡ lớn có dạ quang 2 Way Elongated-sized Switch with Fluorescent	160	34.000
	SCM/NL Công tắc 2 chiều cỡ lớn có đèn báo 2 Way Elongated-sized Switch with Neon	160	116.000

PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO SC - S18C - S18CS
ACCESSORIES FOR SC - S18C - S18CS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SCS/2 320 Công tắc kép cỡ trung 1 chiều 1 Way Double Switch		42.000
	SCS/2/F 480 Công tắc kép cỡ trung 1 chiều có dạ quang 1 Way Double Switch with Fluorescent		73.500
	SCM/2 320 Công tắc kép cỡ trung 2 chiều 2 Way Double Switch		78.000
	SCM/2/F 480 Công tắc kép cỡ trung 2 chiều có dạ quang 2 Way Double Switch with Fluorescent		130.000
	SCMD20/S 360 Công tắc 2 cực 20A cỡ nhỏ 20A Way Standard-sized DP Switch		39.500
	SCMD20/FS 360 Công tắc 2 cực 20A cỡ nhỏ có dạ quang 20A Standard-sized DP Switch with Fluorescent		46.200
	SCMD20/NS 360 Công tắc 2 cực 20A cỡ nhỏ có đèn báo 20A Standard-sized DP Switch with Neon		54.500
	SCMD20/M 240 Công tắc 2 cực 20A cỡ trung 20A Mid-sized DP Switch		39.800
	SCMD20/FM 240 Công tắc 2 cực 20A cỡ trung có dạ quang 20A Mid-sized DP Switch with Fluorescent		46.600
	SCMD20/NM 240 Công tắc 2 cực 20A cỡ trung có đèn báo 20A Mid-sized DP Switch with Neon		55.000
	SCMD20/L 160 Công tắc 2 cực 20A cỡ lớn 20A Elongated-sized DP Switch		51.800
	SCMD20/FL 160 Công tắc 2 cực 20A cỡ lớn có dạ quang 20A Elongated-sized DP Switch with Fluorescent		60.600
	SCMD20/NL 160 Công tắc 2 cực 20A cỡ lớn có đèn báo 20A Elongated-sized DP Switch with Neon		72.200

Ổ CẮM CÁP ĐỒNG TRỤC FM / MÁY TÍNH / ĐIỆN THOẠI
COAXIAL OUTLET MECHANISM / DATA / VOICE SOCKETS

	SCTV 480 Ổ cắm Anten Tivi Television Terminal		37.800
	SC31RJ 400 Ổ cắm điện thoại 4 dây có màn che 4 Pin 4 Wire Telephone Outlet Mechanism with Shutter		57.800
	SC31RJ5E 400 Ổ cắm máy tính 8 dây có màn che 8 Pin 8 Wire Computer Outlet Mechanism with Shutter		119.000

HẠT CHIẾT ÁP QUẠT, HẠT CHIẾT ÁP ĐÈN
FAN CONTROL / DIMMER

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SC400VX 360 Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA Fan Control Mechanism		93.800
	SC500VX 360 Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA Dimmer Mechanism		93.800
	SC1000VX 360 Hạt chiết áp đèn 1000VA 1000VA Dimmer Mechanism		112.000

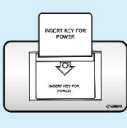
NÚT NHẤN CHUÔNG
BELL SWITCH

	SCMBP2S 480 Nút nhấn chuông cỡ nhỏ Standard-sized Bell Switch Mechanism		28.200
	SCMBP2M 320 Nút nhấn chuông cỡ trung Mid-sized Bell Switch Mechanism		29.500
	SCMBP2L 160 Nút nhấn chuông cỡ lớn Elongated-sized Bell Switch Mechanism		30.600

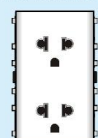
ĐÈN BÁO, THIẾT BỊ RỜI KHÁC
INDICATOR , OTHER ACCESSORIES

	SCNRD 480 Đèn báo đỏ Red Neon Indicator		13.000
	SCNGN 480 Đèn báo xanh Green Neon Indicator		13.000
	SCX 480 Phím che trơn Removable Cover Plate		3.350
	SCBTD 480 Hạt cầu chì ống Fused Connection Units		13.000
	SC39MI 300 Công tắc trung gian đa chiều Intermediate Switch		127.000

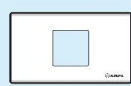
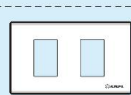
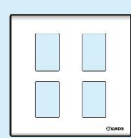
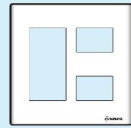
THIẾT BỊ DÙNG CHO KHÁCH SẠN
HOTEL SERIES

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SC/NPD 480 Đèn báo "Xin đừng quấy rầy" Pilot Lamp: "Do Not Disturb"		88.000
	SC/NPM 480 Đèn báo "Xin vệ sinh phòng" Pilot Lamp: "Please Clean Up"		88.000
	SC/BPD 400 Công tắc "Xin đừng quấy rầy" Switch: "Do Not Disturb"		33.800
	SC/BPM 400 Công tắc "Xin vệ sinh phòng" Switch: "Please Clean Up"		33.800
	SC/501 60 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay		412.000
	SCKT+SKTA 80 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type A		341.000
	SCKT+SKTB 80 Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type B		341.000
	SKT501 Thẻ từ 16A 16A Key Card	-	24.200
	SKTA - Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu A A Type Key		41.800
	SKTB - Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu B B Type Key		33.000
	SC/2727 30 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V - 20VA 110/240V - 20VA Shaver Socket		822.000

Ổ CẮM 16A/ 250V
SOCKETS

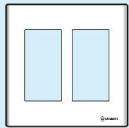
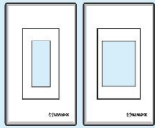
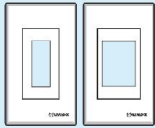
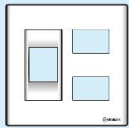
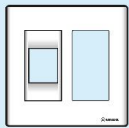
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SCU 480 Ổ Cắm 2 Chấu có màn che 2 Pin Socket with Shutter		19.000
	SCUAM 240 Ổ Cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter		43.200
	SCUE 240 Ổ Cắm 3 Chấu có màn che 3 Pin Socket with Shutter		43.200
	SCUE2 160 2 Ổ Cắm 3 Chấu có màn che Twin 3 Pin Socket with Shutter		51.200
	SCUAS 480 Ổ Cắm 2 Chấu kiểu Mỹ 2 Pin American Socket		18.000

Ổ CẮM CÔNG TẮC - S18CC SERIES
S18CC SERIES - SWITCHES & SOCKETS

	S18CC1X 300 Mặt 1 mô-đun 1 Gang Flush Plate		12.000
	S18CC1X/M 300 Mặt 1 mô-đun cỡ trung Mid-sized 1 Gang Flush Plate		12.000
	S18CC3X 300 Mặt 3 mô-đun, 2 mô-đun cỡ trung, 1 mô-đun cỡ lớn Plate for 3 module, 2 mid-sized module, 1 elongated-sized module		12.000
	S18CC2X 300 Mặt 2 mô-đun 2 Gang Flush Plate		12.000
	S18CCXX 300 Mặt 2 mô-đun, ổ đa năng ổ 3 chấu 2 Gang Flush Plate, 1 mid-sized Gang multi purpose Plate		12.000
	S18CC4X 180 Mặt 4 mô-đun 4 Gang Flush Plate		19.800
	S18CC5X 180 Mặt 5 mô-đun 5 Gang Flush Plate		19.800

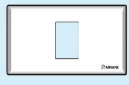
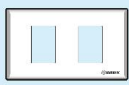
Ổ CẮM CÔNG TẮC - S18CC SERIES

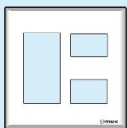
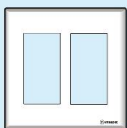
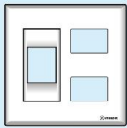
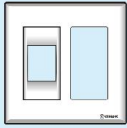
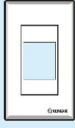
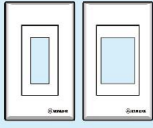
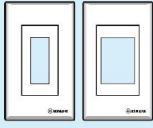
S18CC SERIES - SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CC6X Mặt 6 mô-đun 6 Gang Flush Plate	180	19.800
	S18CC121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type B	200	12.000
	S18CC121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	280	12.000
	S18CC122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Double Type M	280	12.000
	S18CC2X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô-đun 3 Gang Plate for 1 MCCB Type B & 2 Module	160	19.800
	S18CC3X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô-đun 2 Gang Plate for 1 MCCB Type B & 3 Module	160	19.800

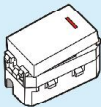
Ổ CẮM CÔNG TẮC - S18CCS SERIES

S18CCS SERIES - SWITCHES & SOCKETS

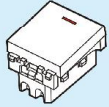
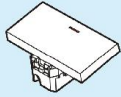
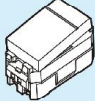
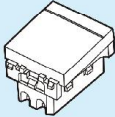
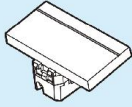
	S18CCS1X Mặt 1 mô-đun 1 Gang Flush Plate	300	12.000
	S18CCS1X/M Mặt 1 mô-đun cỡ trung Mid-sized 1 Gang Flush Plate	300	12.000
	S18CCS2X Mặt 2 mô-đun 2 Gang Flush Plate	300	12.000
	S18CCS3X Mặt 3 mô-đun, 2 mô-đun cỡ trung, 1 mô-đun cỡ lớn Plate for 3 module, 2 mid-sized module, 1 elongated-sized module	300	12.000
	S18CCSXX Mặt 2 mô-đun, ổ đa năng ổ 3 chấu 2 Gang Flush Plate, 1 Mid-sized Gang Multi Purpose Plate	300	12.000
	S18CCS4X Mặt 4 mô-đun 4 Gang Flush Plate	180	19.800

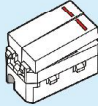
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CCS5X Mặt 5 mô-đun 5 Gang Flush Plate	180	19.800
	S18CCS6X Mặt 6 mô-đun 6 Gang Flush Plate	180	19.800
	S18CCS2X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 2 mô-đun 3 Gang Plate for 1 MCCB Type B & 2 Module	160	19.800
	S18CCS3X/B Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B và 3 mô-đun 2 Gang Plate for 1 MCCB Type B & 3 Module	160	19.800
	S18CCS121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type B	200	12.000
	S18CCS121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	280	12.000
	S18CCS122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Double Type M	280	12.000

Ổ CẮM SÀN VÀ PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18CC-S18CCS
POP UP & ACCESSORIES FOR S18CC - S18CCS

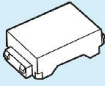
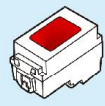
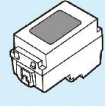
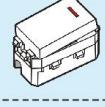
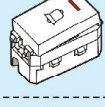
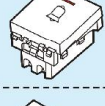
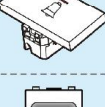
	S18CCS/S Công tắc 1 chiều 16A 16A - 1 Way Switch	480	10.000
	S18CCS/NS Công tắc 1 chiều có đèn báo 16A 16A - 1 Way Switch with Neon	480	51.200
	S18CCM/S Công tắc 2 chiều 16A 16A - 2 Way Switch	480	21.800
	S18CCM/NS Công tắc 2 chiều có đèn báo 16A 16A - 2 Way Switch with Neon	480	85.800

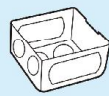
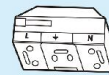
Ổ CẮM SÀN VÀ PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18CC-S18CCS
POP UP & ACCESORIES FOR S18CC - S18CCS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CCS/M 320 Công tắc 1 chiều cỡ trung 16A 16A - 1 Way Mid-sized Switch		10.500
	S18CCS/NM 320 Công tắc 1 chiều cỡ trung có đèn báo 16A 16A - 1 Way Mid-sized Switch with Neon		52.500
	S18CCM/M 320 Công tắc 2 chiều cỡ trung 16A 16A - 2 Way Mid-sized Switch		22.600
	S18CCM/NM 320 Công tắc 2 chiều cỡ trung có đèn báo 16A 16A - 2 Way Mid-sized Switch with Neon		88.600
	S18CCS/L 160 Công tắc 1 chiều cỡ lớn 16A 16A - 1 Way Elongated-sized Switch		13.500
	S18CCS/NL 160 Công tắc 1 chiều cỡ lớn có đèn báo 16A 16A - 1 Way Elongated-sized Switch with Neon		69.200
	S18CCM/L 160 Công tắc 2 chiều cỡ lớn 16A 16A - 2 Way Elongated-sized Switch		30.500
	S18CCM/NL 160 Công tắc 2 chiều cỡ lớn có đèn báo 16A 16A - 2 Way Elongated-sized Switch with Neon		116.000
	S18CCS/SA 480 Công tắc 1 chiều có vạch bạc 16A 16A - 1 Way Switch		17.500
	S18CCM/SA 480 Công tắc 2 chiều có vạch bạc 16A 16A - 2 Way Switch		24.500
	S18CCS/MA 320 Công tắc 1 chiều cỡ trung có vạch bạc 16A 16A - 1 Way Mid-sized Switch		18.000
	S18CCM/MA 320 Công tắc 2 chiều cỡ trung có vạch bạc 16A 16A - 2 Way Mid-sized Switch		28.200
	S18CCS/LA 160 Công tắc 1 chiều cỡ lớn có vạch bạc 16A 16A - 1 Way Elongated-sized Switch		23.500
	S18CCM/LA 160 Công tắc 2 chiều cỡ lớn có vạch bạc 16A 16A - 2 Way Elongated-sized Switch		34.000
	S18CCMD20/S 480 Công tắc 2 cực 20A cỡ nhỏ 20A Mid-sized DP Switch		55.500
	S18CCS/2 320 Công tắc kép cỡ trung 1 chiều 1 Way Double Switch		42.000
	S18CCM/2 320 Công tắc kép cỡ trung 2 chiều 2 Way Double Switch		

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CCS/2A 320 Công tắc kép cỡ trung 1 chiều có vạch bạc 1 Way Double Switch		35.000
	S18CCM/2A 320 Công tắc kép cỡ trung 2 chiều có vạch bạc 2 Way Double Switch		
	S18CCS/2S 480 Công tắc kép cỡ nhỏ 1 chiều 1 Way Mid-sized Double Switch		38.000
	S18CCCTV 480 Ổ cắm Anten Tivi Television Terminal		37.800
	S18CC400VX 360 Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA Fan Control Mechanism		93.800
	S18CC500VX 360 Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA Dimmer Mechanism		93.800
	S18CC800VX 180 Hạt chiết áp đèn 800VA 800VA Dimmer Mechanism		105.000
	S18CC31RJ 480 Ổ cắm điện thoại 4 dây có màn che 4 Wire Telephone Socket with Shutter		57.800
	S18CC31RJ5E 480 Ổ cắm máy tính 8 dây có màn che 8 Wire Computer Socket with Shutter		119.000
	S18CCU 480 Ổ cắm 2 chấu có màn che 2 Pin Socket with Shutter		19.000
	S18CCUAM 240 Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter		43.200
	S18CCUE 240 Ổ cắm 3 chấu có màn che 3 Pin Socket with Shutter		43.200
	S18CCUE2 160 2 Ổ cắm 3 chấu có màn che Twin 3 pin Socket with Shutter		51.200

Ổ CẮM SÀN VÀ PHỤ KIỆN NỐI DÂY DÙNG CHUNG CHO S18CC-S18CCS
POP UP & ACCESORIES FOR S18CC - S18CCS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18CCBTD Hạt cầu chì 10A 10A Fused Connection Units	480	13.000
	S18CCX Phím che trơn Removable cover Plate	1440	3.350
	S18CCNRD Đèn báo đỏ Red Neon Indicator	480	13.000
	S18CCNGN Đèn báo xanh Green Neon Indicator	480	13.000
	S18CCMI Công tắc trung gian đa chiều Intermediate Switch	300	127.000
	S18CCMBP2S Nút nhấn chuông cỡ nhỏ Standard-sized Bell Switch Mechanism	480	28.200
	S18CCMBP2M Nút nhấn chuông cỡ trung Mid-sized Bell Switch Mechanism	320	29.500
	S18CCMBP2L Nút nhấn chuông cỡ lớn Elongated-sized Bell Switch Mechanism	160	30.600
	S18CC/NPD Đèn báo "Xin đừng quấy rầy" Pilot Lamp: "Do not disturb"	480	88.000
	S18CC/NPM Đèn báo "Xin vệ sinh phòng" Pilot Lamp: "Please clean up"	480	88.000
	S18CC/BPD Công tắc "Xin đừng quấy rầy" Switch: "Do not disturb"	400	33.800
	S18CC/BPM Công tắc "Xin vệ sinh phòng" Switch: "Please clean up"	400	33.800

	P001/1/DO/A (*) Bộ ổ cắm sàn kiểu A vuông màu đồng Floor Socket with Wall Box (BAS) Type A	-	794.000
	P001/1/NH/A (*) Bộ ổ cắm sàn kiểu A vuông màu nhôm Floor Socket with Wall Box (BAE) Type A	-	794.000
	P001/1/DO/B (*) Bộ ổ cắm sàn kiểu B vuông màu đồng Floor Socket with Wall Box (BAS) Type B	-	794.000
	P001/1/NH/B (*) Bộ ổ cắm sàn kiểu B vuông màu nhôm Floor Socket with Wall Box (BAE) Type B	-	794.000
	402/DO/A (*) Bộ ổ cắm sàn đôi kiểu A vuông màu đồng Floor Socket with Wall Box (BAS) Type A	-	1.588.000
	402/NH/A (*) Bộ ổ cắm sàn đôi kiểu A vuông màu nhôm Floor Socket with Wall Box (BAE) Type A	-	1.588.000
	P001/1/DO/C (*) Bộ ổ cắm sàn kiểu C vuông màu đồng Floor Socket with Wall Box (BAS) Type C	-	794.000
	P001/1/NH/C (*) Bộ ổ cắm sàn kiểu C vuông màu nhôm Floor Socket with Wall Box (BAE) Type C	-	794.000
	DAS Đế ổ cắm sàn Sound Base For Sound Floor Socket	-	66.000
	U005 Mô-đun nối dây cho ổ cắm sàn Cable Connector Module For Pop - Up	-	38.000

(*) Có thể lắp được các phụ kiện nối dây thuộc series S18CC